TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Võ Quốc Hưng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Tiêu Thanh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 580/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Mai Thị Yến N, sinh ngày 29/12/2000, căn cước số 082300015325, ngày cấp 10/3/2026. Địa chỉ: Ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ; chỗ ở hiện nay: Ấp T (nay là ấp T), xã T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Nhựt T, sinh ngày 26/3/1996, căn cước số 094096012531; cư trú tại: Ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ; hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam Đ, tỉnh An Giang (vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2026, lờikhai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị Yến N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Mai Thị Yến N và anh Nguyễn Nhựt T tổ chức lễ cưới vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ). Thời gian đầu

kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì đã bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cuộc sống không còn hạnh phúc, anh chị ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, chị N yêu cầu ly hôn với anh T; Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh T có một người con chung tên là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 19/01/2018, hiện cháu K đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 19/01/2018 cho cho đến khi cháu K thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản ghi lời khai đương sự lập ngày 26/5/2026, bị đơn anh Nguyễn Nhựt T trình bày: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị N về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng sự thật. Nay anh T có ý kiến như sau: Về hôn nhân, anh T đồng ý ly hôn với chị N; Về con chung: Anh T và chị N có một con chung Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 19/01/2018, hiện cháu K đang sống với bà nội, anh T đề nghị tiếp tục giao cháu Nguyễn Tuấn K cho bà nội; Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: Xử cho chị N ly hôn với anh T; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tuấn K cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh T không cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; Tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu, không xem xét; Buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn đang cư trú tại ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ theo Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Mai Thị Yến N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan

hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Mai Thị Yến N, bị đơn anh Nguyễn Nhựt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị N. Chị N và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Chị N và anh T không chung sống cùng nhau từ tháng 4/2022 cho đến nay. Từ đó đến nay, anh chị không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Chị N yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn với chị N. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị N được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Xét yêu cầu của chị N về con chung. Cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 19/01/2018 hiện đang sống chung với bà nội, anh T hiện nay đang chấp hành án, không có điều kiện để trông nom, chăm sóc cháu K. Anh T đề nghị tiếp tục giao cháu cho bà nội nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy: Nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là của cha mẹ, nếu cha không đảm bảo điều kiện nuôi con thì giao con cho mẹ nuôi. Chị N có yêu cầu được nuôi cháu K cho đến khi thành niên, chị N đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Tuấn K cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị N. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng, nên anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Nhựt T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chị N phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 và khoản Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Yến N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Mai Thị Yến N và anh Nguyễn Nhựt T ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn K cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị N. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Nhựt T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005895 ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- UBND xã C;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngoan